CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Nhà đất Việt

Ngày 30/09/2025	2,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q3/25
0.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.07| 81.3%
YoY: ▲ 0.10| 190%

LN thuần
Q3/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.35| 104%
YoY: ▲ 1.81| 103%

LN sau thuế
Q3/25
0.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.93| 150%
YoY: ▲ 2.41| 136%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
440%
YoY: +/-▲ 2122%

ROE (TTM)
Q3/25
-2.6%
YoY: +/-▲ 1.6%

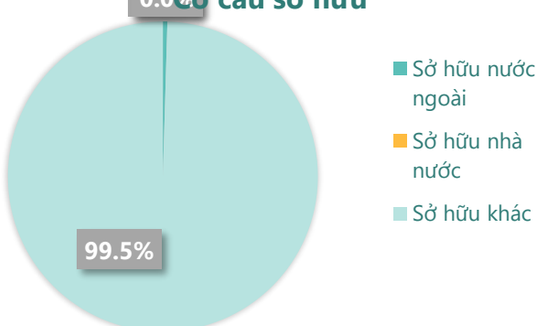
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 4,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	106,405
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.37
EPS	-81
P/E	-29.8

DT thuần
9T 2025
0.24
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.24| -51.3%

LN thuần
9T 2025
-2.77
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.67| 19.4%

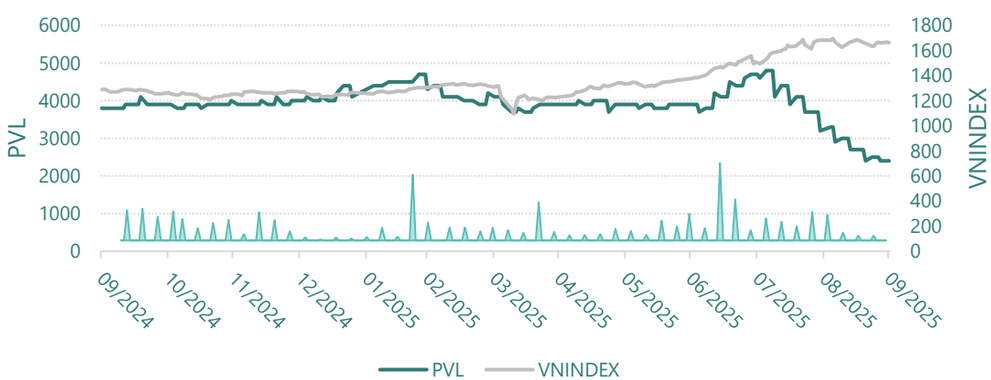
LN sau thuế
9T 2025
-2.19
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.32| 37.7%

Cơ cấu sở hữu

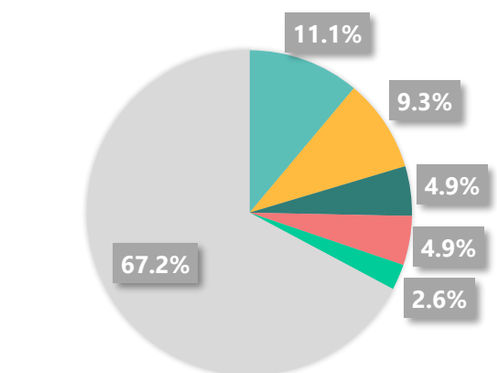


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



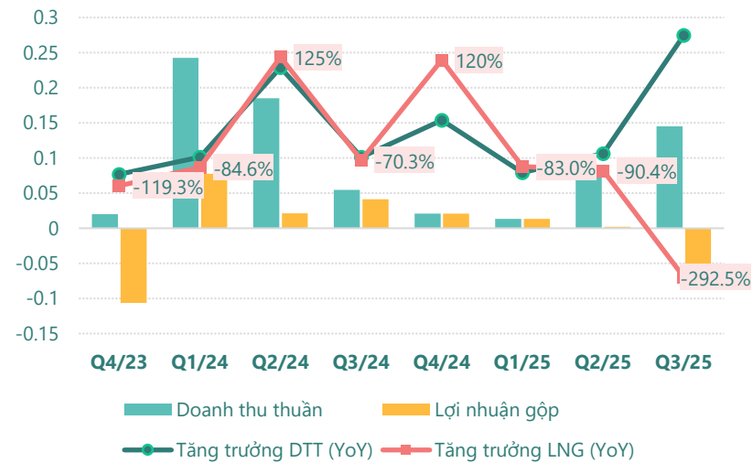
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

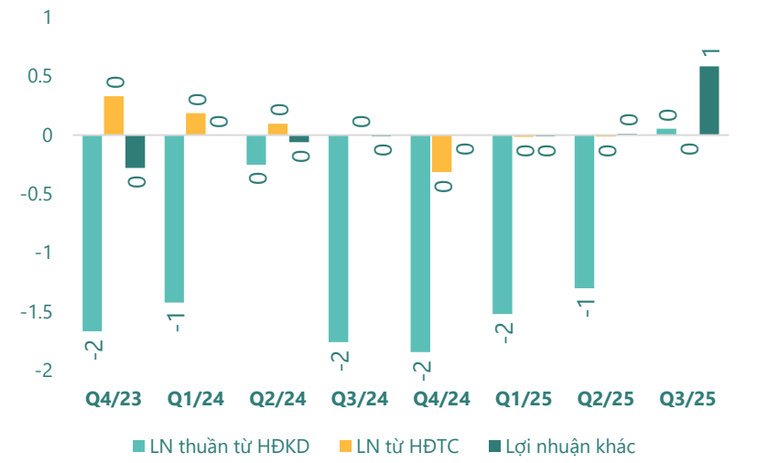
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



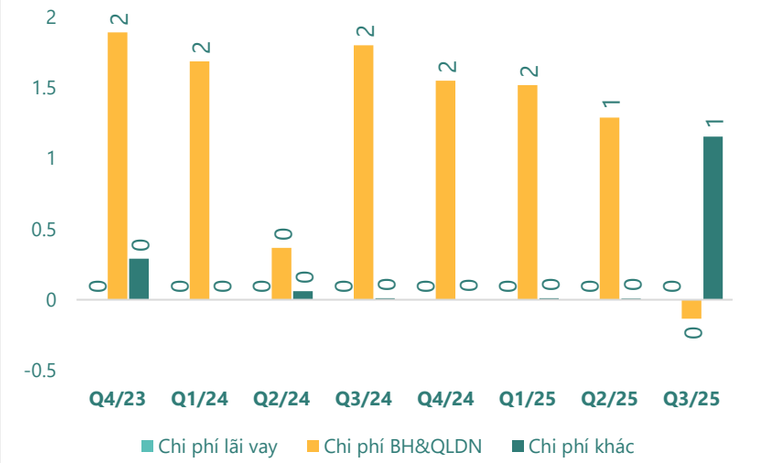
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



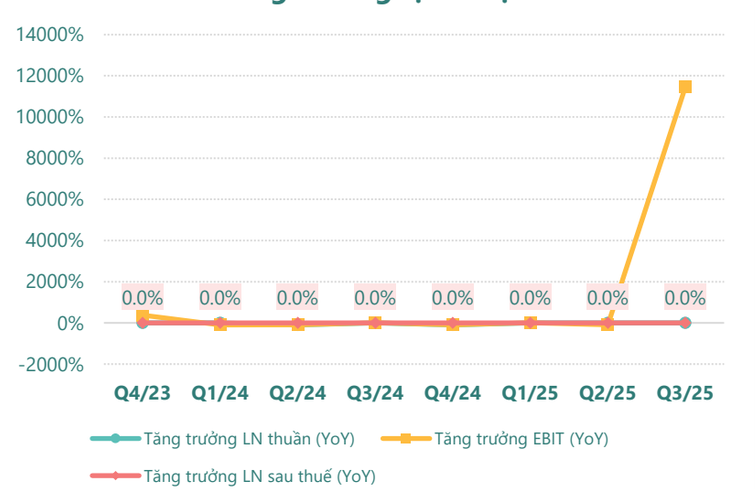
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



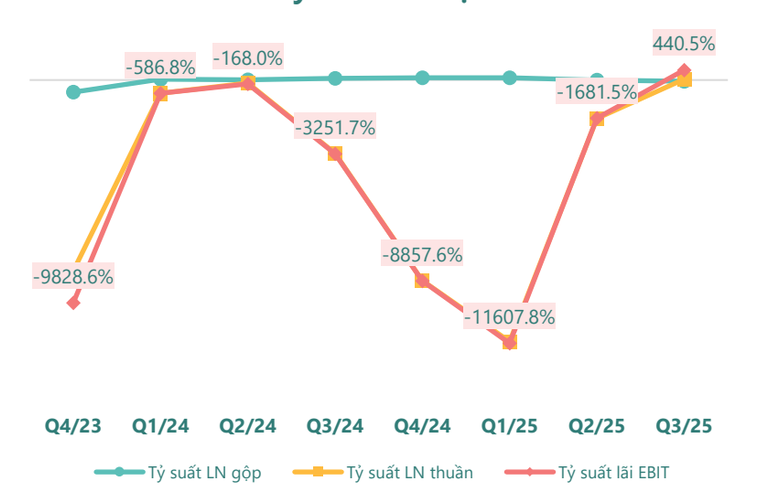
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



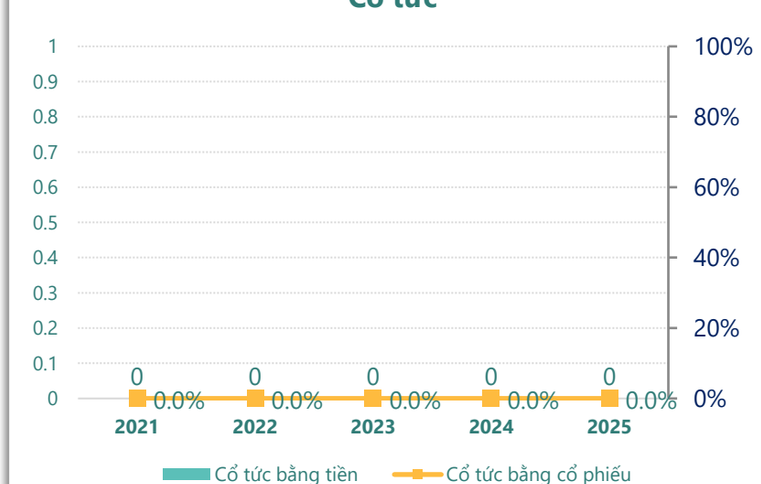
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

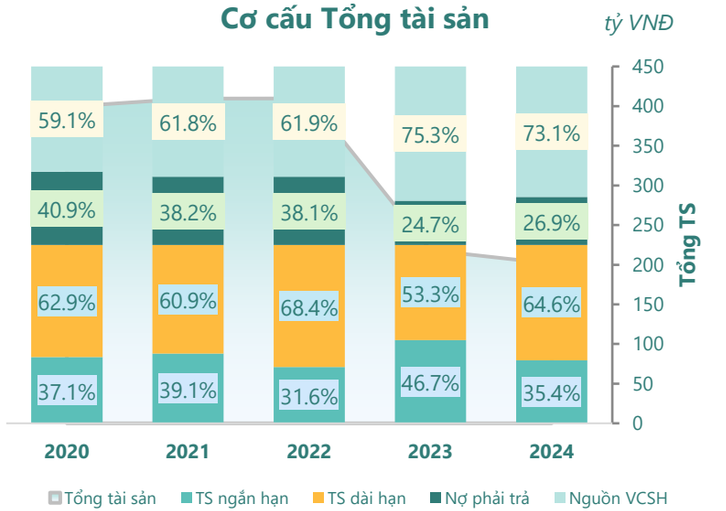
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

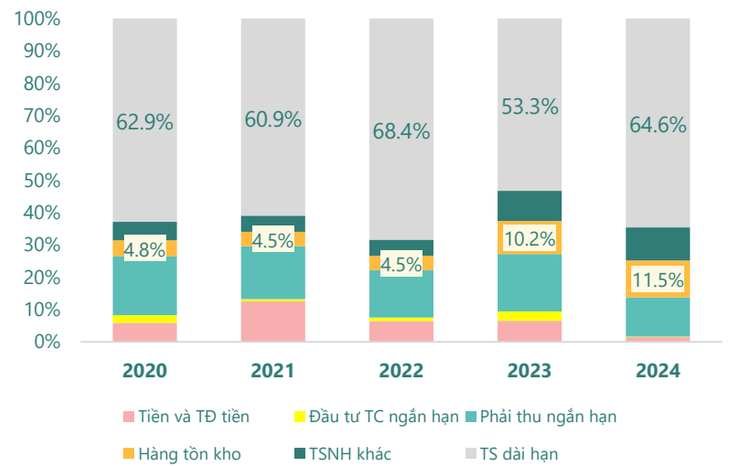
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



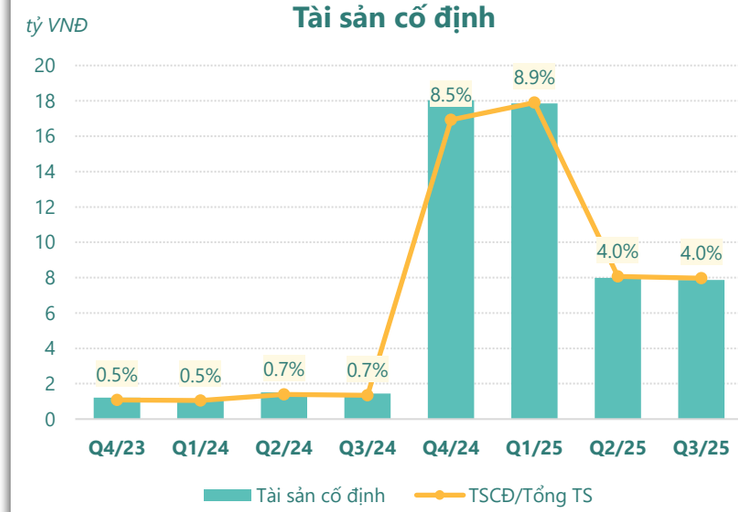
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



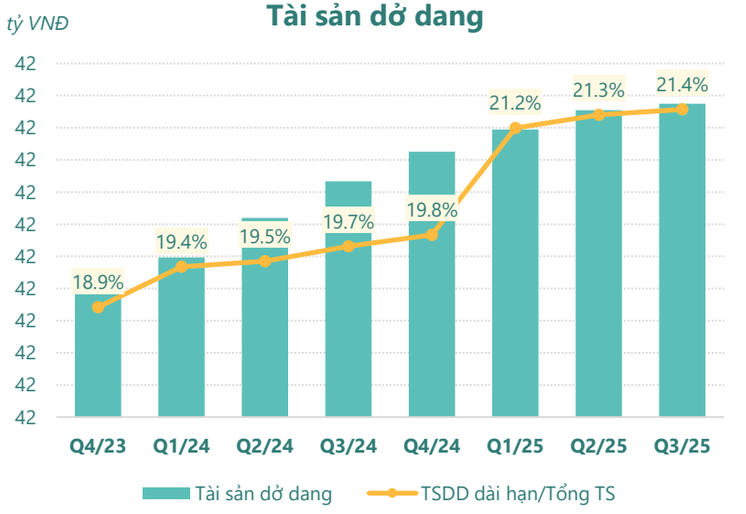
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



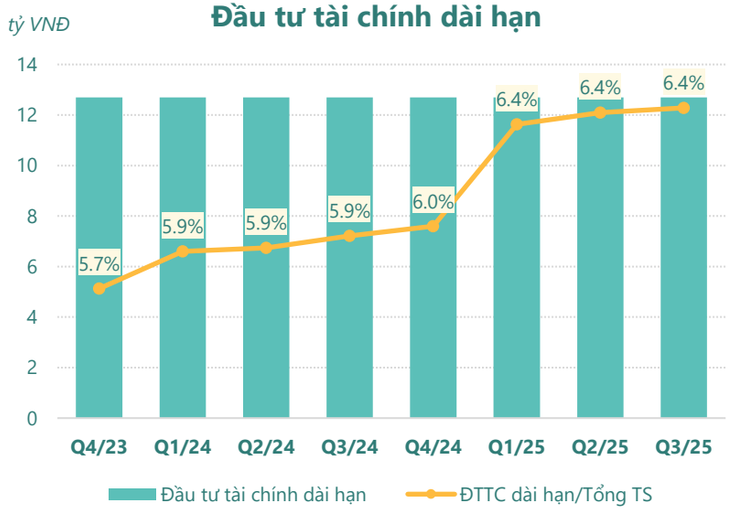
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



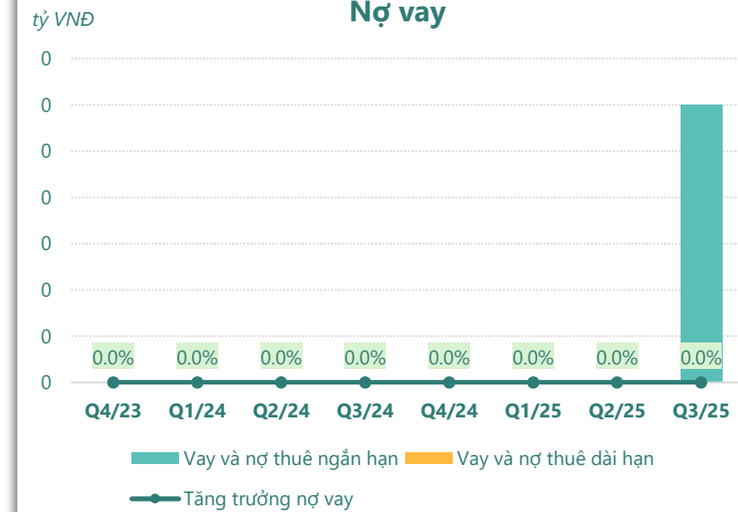
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



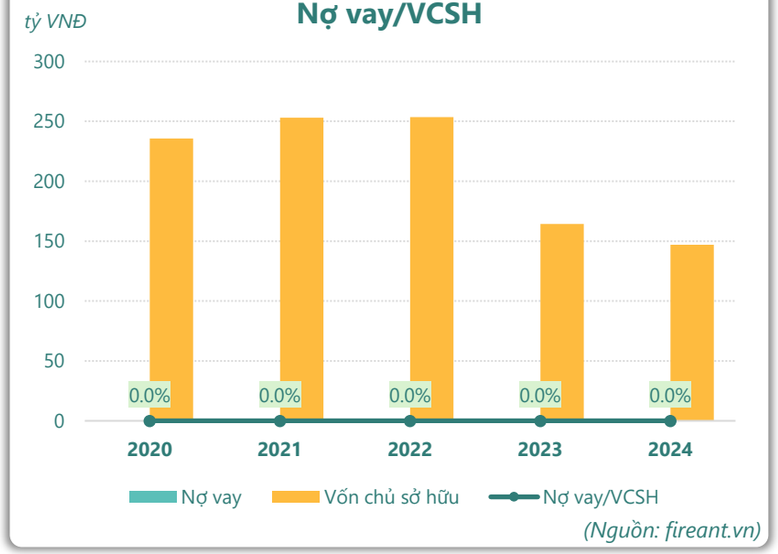
(Nguồn: fireant.vn)

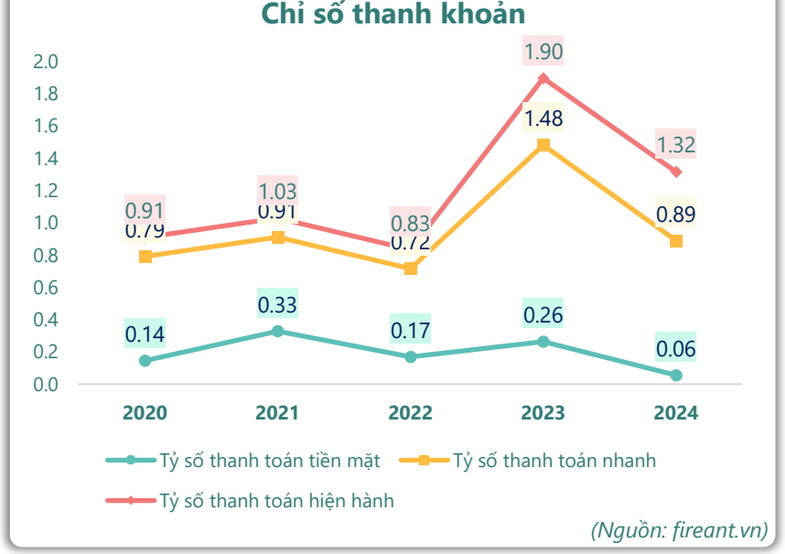
Nợ vay

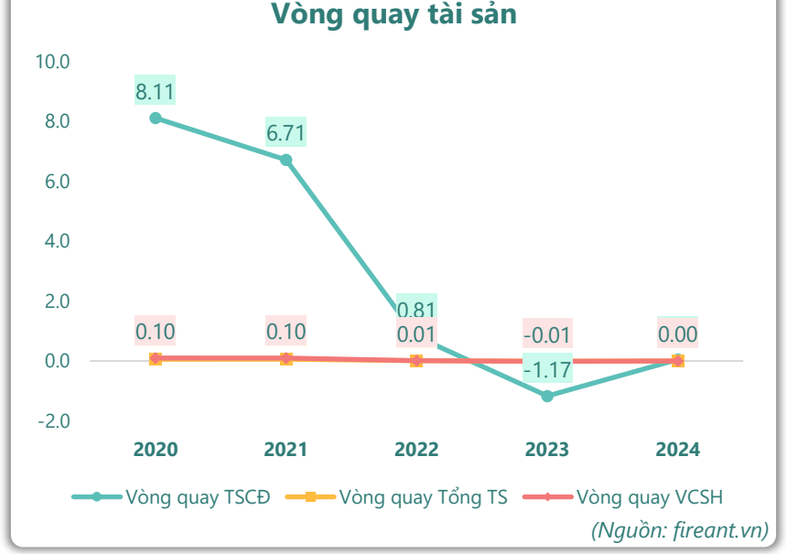


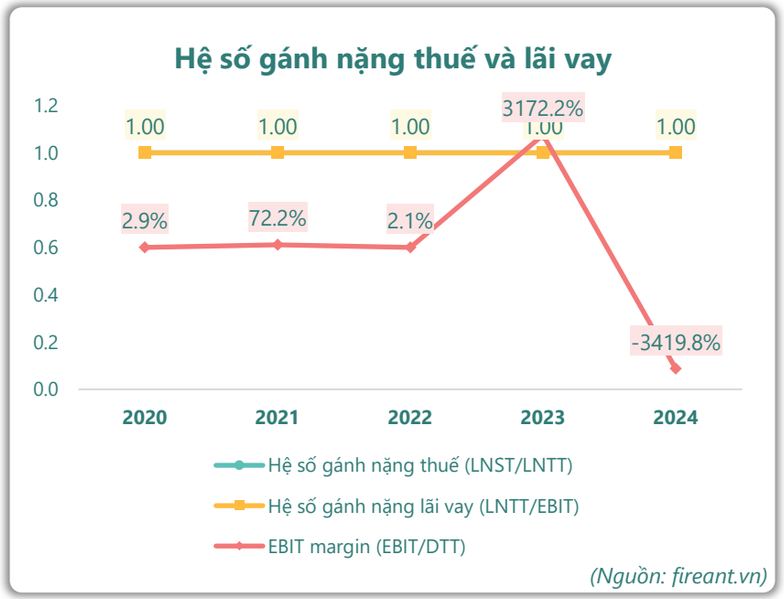
(Nguồn: fireant.vn)

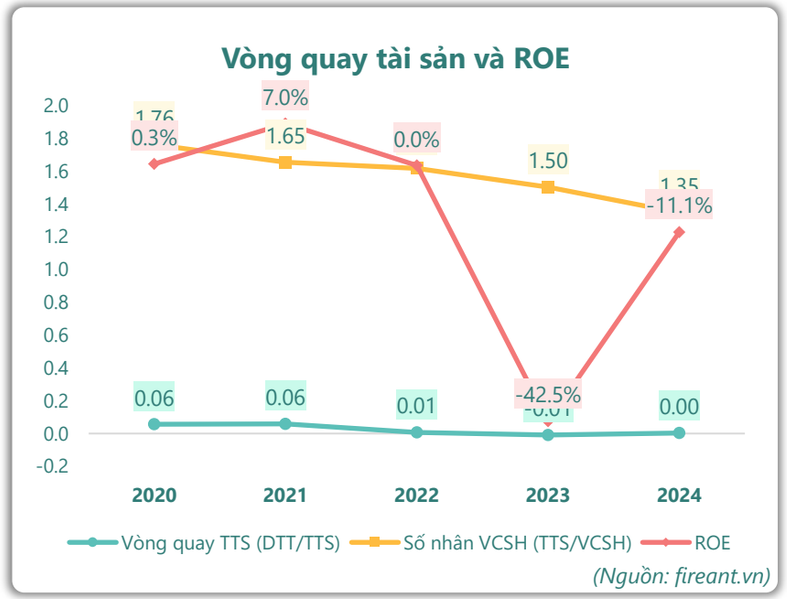
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

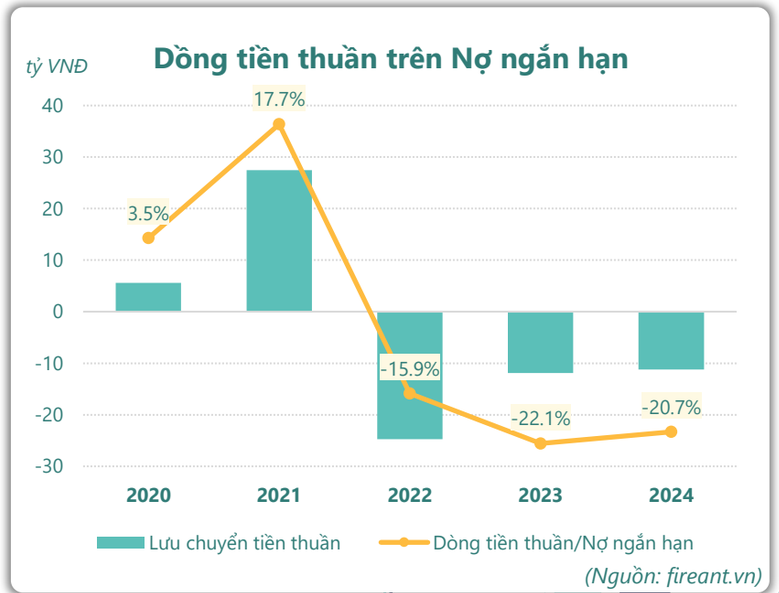












KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.15**	**0.05**	**190%**	**0.24**	**0.48**	**-51.3%**
Giá vốn hàng bán	0.22	0.01	2143%	0.30	0.34	-12.6%
Lợi nhuận gộp	-0.08	0.04	-298%	-0.06	0.14	-146%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.28	-99.6%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.03	0.00	30444%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**-0.13**	**1.80**	**-107%**	**2.68**	**3.86**	**-30.6%**
LN thuần từ HĐKD	0.05	-1.76	103%	-2.77	-3.44	19.4%
Lợi nhuận khác	**0.58**	**-0.01**	**5944%**	**0.58**	**-0.07**	**934%**
LN trước thuế	0.64	-1.77	136%	-2.19	-3.51	37.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.64**	**-1.77**	**136%**	**-2.19**	**-3.51**	**37.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.64**	**-1.77**	**136%**	**-2.19**	**-3.51**	**37.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.6	-0.90	9.49	-1.22	-0.73	-2.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-23.2	0.04	-7.87	0.00	-0.66	-0.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0.30
Tiền đầu kỳ	5.82	2.24	1.38	3.00	1.78	3.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.58**	**-0.86**	**1.62**	**-1.22**	**-1.39**	**-2.84**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.24	1.38	3.00	1.78	0.39	0.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**197**	**201**	**-1.8%**
Tài sản ngắn hạn	68.1	71.2	-4.3%
Tiền và tương đương tiền	0.16	3.00	-94.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.36	-100%
Phải thu ngắn hạn	24.4	24.3	0.4%
Hàng tồn kho	23.0	23.0	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	20.5	20.5	0.1%
Tài sản dài hạn	**129**	**130**	**-0.5%**
Phải thu dài hạn	26.1	26.7	-2.2%
Tài sản cố định	7.86	18.0	-56.4%
Bất động sản đầu tư	39.6	29.5	34.4%
Tài sản dở dang	42.3	42.2	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	12.7	12.7	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.84**	**0.88**	**-4.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	52.6	54.1	-2.8%
Nợ ngắn hạn	**52.5**	**54.0**	**-2.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.30	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	18.0	-10.4%
Nợ dài hạn	0.10	0.00	10532%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**145**	**147**	**-1.5%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)